

### E7- UNIT 5- EX 3,4

**Bài 3: Hãy viết C ( countable) bên cạnh những danh từ đếm được, viết U ( uncountable) trước danh từ không đếm được.**

Anger ( sự giận dữ)		Knife ( dao)	
Bread ( bánh mì)		Lamp ( đèn)	
Cake ( bánh)		Lemonade ( nước chanh)	
Chopstick ( đũa)		Milk ( sữa)	
Cup ( cốc)		Money ( tiền)	
Cupboard ( tủ, chạn)		News ( tin tức)	
Dish ( đĩa)		Nature ( tự nhiên)	
Drop ( giọt)		Noodle ( mì)	
Fan ( quạt)		Person ( người)	
Flour ( bột)		Rice ( gạo)	
Fruit ( hoa quả)		Salt ( muối)	
Glass ( ly)		Sugar ( đường)	
Heat ( nhiệt)		Tomato ( cà chua)	
Information ( thông tin)		Vegetable ( rau)	
Kitchen ( phòng bếp)		Wine ( rượu)	

**Bài 4: Điền các từ để đo số lượng vào chỗ trống sao cho thích hợp.**

Pot	Sheets	Litres	Bar	Gallons
Grains	Glass	Cake	Slices	Bag

1. Would you like another \_\_\_\_\_ of water?
2. I'd like two \_\_\_\_\_ of lemonade , please.
3. My grandmother gave me a \_\_\_\_\_ of jam yesterday.
3. You may need three \_\_\_\_\_ of paper to write your essay.
5. He usually has two \_\_\_\_\_ off bread for his breakfast.
6. My boyfriend gave me a \_\_\_\_\_ of chocolate last week.
7. You need at least two \_\_\_\_\_ of petrol to run this machine.
8. There are some \_\_\_\_\_ of sand in my tea.
9. My mon told me to buy a \_\_\_\_\_ of soap.
10. There is a \_\_\_\_\_ of pepper in the cupboard.